

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2023/DS-PT

Ngày: 15 – 6 – 2023

V/v tranh chấp hợp đồng tặng cho QSD đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Kiều

Các Thẩm phán:

Ông Trương Thanh Dũng

Bà Giang Thị Cẩm Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Minh Thu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2023 về việc tranh chấp Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2022/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 63/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1938. Địa chỉ: ấp Vĩnh Đ, xã Vĩnh T, huyện Phước L, tỉnh Bạc L

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn G: Bà Trương Thị Mỹ L, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp Mỹ T, xã Vĩnh Phú Đ, huyện Phước L, tỉnh Bạc L. (Có mặt)

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982

Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: ấp Vĩnh Đ, xã Vĩnh T, huyện Phước L, tỉnh Bạc L

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn Đ: Bà Hồ Huỳnh Tố H, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp An K, xã Vĩnh Mỹ B, huyện Hòa B, tỉnh Bạc L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đặng Thị T, sinh năm 1938. (có đơn xin vắng)

2. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1980. (Có mặt)

3. Chị Lê Thị B, sinh năm 1986. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Vĩnh Đ, xã Vĩnh T, huyện Phước L, tỉnh Bạc L

4. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1968. (Vắng mặt)

5. Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1970. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Huê 3, xã Vĩnh Phú Đ, huyện Phước L, tỉnh Bạc L.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn G, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông G trình bày: Phần đất có nguồn gốc do ông G khai phá. Năm 2013 ông G chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn Đ 01 công đất tầm cây. Để chị T, anh Đ làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, ông G đã giao chị T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông, khi đi làm thủ tục chị T đã chuyển toàn bộ diện tích đất trong giấy của ông sang cho chị T, anh Đ. Năm 2006 ông đã chuyển nhượng cho ông Đ ngang 03 mét, dài đến giáp đất ông Đ bằng 02 chỉ vàng 24k. Nay ông G yêu cầu hủy bỏ hợp đồng tặng cho và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho chị T, anh Đ thửa đất số 197 diện tích 2.605,5 m² tờ bản đồ số 03 và 01 phần diện tích tại thửa đất 196 tờ bản đồ số 03 diện tích chuyển nhầm là 648 m². Không đồng ý yêu cầu phản tố của chị T, anh Đ. Đồng ý theo yêu cầu độc lập của ông Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn Đ là bà Hồ Huỳnh Tố H trình bày: Đất tranh chấp có nguồn gốc của ông G, bà T tặng cho chị T, anh Đ và phần còn lại nhận chuyển nhượng của ông G, bà T. Sau khi được tặng cho và chuyển nhượng thì chị T, anh Đ đã đi kê khai, đăng ký và đã được Ủy ban nhân dân huyện Phước Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng phần đất trên thực tế thì chị T, anh Đ vẫn cho ông G mượn canh tác. Nay chị T, anh Đ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông G, đồng thời có yêu cầu phản tố đòi ông G, anh H trả phần đất 03 công đất đã mượn tại các thửa số 1836 diện tích 1.300 m²; thửa đất số 196 diện tích 1.296 m² và thửa đất số 197 diện tích 1.300,5 m², đất tọa lạc ấp Huê II, xã Vĩnh T, huyện Phước L, tỉnh Bạc L, đồng thời không đồng ý yêu cầu độc lập của ông Đ.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H trình bày: Thống nhất với ý kiến và yêu cầu của ông G.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T: đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị T Thúy trình bày: Nguồn gốc đất là của ông Nguyễn Văn G, đến ngày 02/6/2006 thì ông G chuyển nhượng cho ông Đ 01 phần đất chiều ngang 01 tầm (3 mét), chiều dài từ sông đến giáp đất của ông với giá 02 chỉ vàng 24k, việc chuyển nhượng có làm giấy “Tờ chuyển nhượng đất ghi ngày 02/6/2006 có ông G, ông H ký tên, ông đã giao đủ vàng cho ông G và ông G đã giao đất cho ông sử dụng làm đường bơm nước đến nay. Phần đất này, hiện nay

ông Đ chưa kê khai, đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với lý do diện tích đất ít nên tách quyền sử dụng đất không được. Ông Đ yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (Tờ chuyển nhượng đất ghi ngày 02/6/2006) và yêu cầu ông G, anh H giao phần đất cho ông sử dụng.

Từ những phân tích trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 76/2022/DS-ST ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu, quyết định.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn G yêu cầu hủy bỏ hợp đồng tặng cho và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn Đ phần đất diện tích đã chuyển nhằm thửa đất số 197 diện tích 2.605,5 m² tờ bản đồ số 03 và 1 phần diện tích trong thửa đất số 196 tờ bản đồ số 03 diện tích chuyển nhằm là 648 m². Tổng diện tích 3.279,2 m². Trong đó, diện tích 637,7 m² nằm trong một phần thửa 196 tờ bản đồ số 03; diện tích 1.300 m² nằm trong thửa đất 1836 tờ bản đồ số 03; diện tích 1.305,5 m² nằm trong thửa 197 tờ bản đồ số 03, tọa lạc ấp Huê II, xã Vĩnh T, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu do ông Phạm Văn Đ, bà Nguyễn Thị T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu phản tố của chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn Đ đòi ông Nguyễn Văn G, anh Nguyễn Văn H trả phần đất tổng diện tích 3.279,2 m², trong đó, diện tích 637,7 m² nằm trong một phần thửa số 196 tờ bản đồ số 03; diện tích 1.300 m² nằm trong thửa đất số 1836 tờ bản đồ số 03; diện tích 1.305,5 m² nằm trong thửa số 197 tờ bản đồ số 03, tọa lạc ấp Huê II, xã Vĩnh T, huyện Phước L, tỉnh Bạc L do anh Phạm Văn Đ, chị Nguyễn Thị T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Tuyên bố giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất (Tờ chuyển nhượng đất ghi ngày 02/6/2006) giữa ông Nguyễn Văn Đ với ông Nguyễn Văn G, anh Nguyễn Văn H vô hiệu.

Buộc ông Nguyễn Văn G có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị Thu T 02 chỉ vàng 24k. Về phần đất, hiện tại chị T, anh Đ đang quản lý, sử dụng nên không buộc ông Đ, bà T phải giao trả lại đất.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên chi phí thẩm định, định giá, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 29/6/2022 ông Nguyễn Văn G kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 76/2022/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu, yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông G, chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu, theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn cho thêm ông Giàu số tiền 60.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông G nộp trong hạn, ông Giàu là người già, được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của Ông G được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị T vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đến lần thứ nhưng đương sự vắng mặt không rõ lý do, Tòa tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227,228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về nguồn gốc đất tất cả đương sự thống nhất xác định của ông Nguyễn Văn G. Theo ông G xác định năm 2013 ông G và vợ là bà T có tặng cho con là chị T 01 công tầm cây, nhưng khi làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất vợ chồng chị T đã chuyển toàn bộ diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông cho vợ chồng chị T, anh Đ. Chị T, anh Đ xác định năm 2013 ông G, bà T tặng cho vợ chồng chị một phần và chuyển nhượng một phần đất. Việc tặng cho và chuyển nhượng có làm Hợp đồng tại Ủy ban Xã Vĩnh T; ông G, bà T, anh H, chị B với vợ chồng chị cùng ký tên. Vợ chồng chị T và anh Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.2] Căn cứ kết quả đo đạc thẩm định đất tranh chấp có diện tích 3.279 m². Trong đó, diện tích 637,7m² tại một phần thửa 196 tờ bản đồ 03; diện tích 1300 m² tại thửa 1836 tờ bản đồ 03; diện tích 1305,5m² tại thửa 197 tờ bản đồ 03. Đất tọa lạc tại ấp Huê II, xã Vĩnh T, huyện Phước L hiện do chị T và anh Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn G yêu cầu chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông; Hội đồng xét xử nhận thấy theo trình bày của ông Giàu xác định chỉ cho con là chị T 01 công đất. Chị T và anh Đ phản đối và cho rằng ông G, bà T cho vợ chồng chị một phần, một phần do vợ chồng chị nhận chuyển nhượng của ông G, bà T.

[3.1] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình ông G chỉ trình bày bằng lời nói; chị T và anh Đ phản đối yêu cầu của ông G và cung cấp tài liệu chứng cứ như Hợp đồng tặng cho, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo mẫu được thực hiện tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh T có chữ ký của ông G, anh H, chị B, còn bà T thì lấn tay và vợ chồng chị T, anh Đ cùng ký tên và có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh T. Chị T và anh Đ đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông G thừa nhận chữ ký của ông Giàu trong các hợp đồng nhưng khi ký thì ông không đọc nội dung. Ngoài ra, ông G không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình; tại phiên tòa phúc thẩm ông G cũng không cung cấp chứng cứ mới.

[3.2] Tại Công văn số 161/UBND-NC ngày 24/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Phước Long xác định “ *Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn Đ sinh năm 1983 và chị Nguyễn Thị T sinh năm 1982 tại các thửa 1836, 196 và 197 tờ bản đồ số 03 được thực hiện đúng quy định của pháp luật*”

[3.3] Ngoài ra tại giấy thỏa thuận trả đất ngày 19/4/2022 ông Giàu tự nguyện giao trả các phần đất tranh chấp cho vợ chồng chị T, anh Đ. Tại biên bản lời khai anh H cũng xác định đất tranh chấp hiện do vợ chồng chị T quản lý, do đã giao trả. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận khởi kiện của ông G là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Đối với kháng cáo của ông G yêu cầu chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Đ, công nhận hợp đồng chuyển nhượng giữa ông G với ông Đ. Hội đồng xét xử xét thấy “ Tờ chuyển nhượng đất” ngày 02/6/2006 về hình thức chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật và cũng không công chứng hay chứng thực. Về nội dung không thể hiện vị trí đất, diện tích đất chuyển nhượng bao nhiêu..., người nhận chuyển nhượng đất là ông Đ không ký tên là chưa đúng quy định của pháp luật. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm tuyên bố giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông G với ông Đ vô hiệu, buộc ông G trả lại cho ông Đ 02 chỉ vàng 24k là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[5] Tuy nhiên, tại phiên Tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tự nguyện hỗ trợ cho ông G, bà T 60.000.000 đồng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bị đơn, sự tự nguyện này không trái pháp luật, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn G yêu cầu chấp nhận yêu cầu khởi kiện và chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Đ; chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên; ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn hỗ trợ cho nguyên đơn số tiền 60.000.000 đồng.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm ông Nguyễn Văn G không phải chịu.

[7] Các phần khác của Bản án không kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 26, 34, 35, 39, 91, 92, 147, 157, điểm c khoản 1 Điều 217, 227 và 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 117, 119, 129 và 131, 500, 501, 502 và 503 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng 203 Luật Đất đai năm 2013.

- Áp dụng các Điều 12, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn G. Sửa một phần của Bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2022/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu, do ghi nhận sự tự nguyện của đương sự tại phiên Tòa.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn G về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn G với chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn Đ và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn Đ.

Tổng diện tích 3.279,2 m². Trong đó: diện tích 637,7 m² tại một phần thửa 196 tờ bản đồ số 03; diện tích 1.300 m² tại thửa đất 1836 tờ bản đồ số 03; diện tích 1.305,5 m² tại thửa 197 tờ bản đồ số 03. Đất tọa lạc ấp Huê II, xã Vĩnh Thanh, huyện Phước Long; do ông Phạm Văn Đ, bà Nguyễn Thị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu phản tố của chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn Đ đòi ông Nguyễn Văn G, anh Nguyễn Văn H trả phần đất tổng diện tích 3.279,2 m² (Diện tích đất ở phần 1 quyết định này).

3. Tuyên bố giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất (theo Tờ chuyển nhượng đất ngày 02/6/2006) giữa ông Nguyễn Văn Đ với ông Nguyễn Văn G, anh Nguyễn Văn H vô hiệu.

3.1 Buộc ông Nguyễn Văn G phải trả cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị Thu T 02 chỉ vàng 24k.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn Đ hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn G 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

4.1 Buộc chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn Đ giao cho Nguyễn Văn G, bà Đặng Thị T số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

5.1 Ông Nguyễn Văn G chịu số tiền 3.300.000 đồng, ông G đã tạm nộp số tiền 5.000.000 đồng. Ông Giàu được hoàn lại số tiền 1.700.000 đồng

5.2 Chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn Đ không phải chịu. Chị T, anh Đ đã tạm nộp số tiền 2.000.000 đồng, được hoàn lại số tiền 2.000.000 đồng.

5.3 Ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn G mỗi người phải chịu số tiền 494.632 đồng; ông Đ đã tạm nộp số tiền 1.500.000 đồng. Buộc ông G nộp số tiền 494.632 đồng trả cho ông Đ. Ông Đ được hoàn lại số tiền 510.736 đồng, tại Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

6. Về án phí:

6.1 Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm ông Nguyễn Văn G được miễn toàn bộ.

6.2 Chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn Đ không phải chịu; chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn Đ đã tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng, theo biên lai số 0004787 ngày 01/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long, được hoàn lại 300.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Phước Long;
- CCTHADS huyện Phước Long;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lệ Kiều